

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 1680/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3019/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1485/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2086/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường M, khu phố S, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường M, khu phố S, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị B có mặt, ông Phạm Thanh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 vào ngày 25/01/2016.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Đến

năm 2020, ông T đánh nhau gây thương tích cho người khác ở bên ngoài và bỏ trốn, bị công an khởi tố và trốn truy nã, không liên lạc với gia đình từ đó đến nay. Hiện nay hoàn cảnh của bà vô cùng khó khăn, vất vả, phải một mình nuôi con nhỏ. Bà và ông T không còn khả năng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Vì vậy, bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Phạm Thanh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chung bà có 01 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà B không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức thì bị đơn ông Phạm Thanh T cư trú tại phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện đã trốn truy nã từ ngày 08/11/2020.

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ

nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”

Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 31 Luật cư trú năm 2020 quy định: Công dân có trách nhiệm khai báo tạm vắng trong các trường hợp sau đây: Đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đang cư trú từ 01 ngày trở lên đối với bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc đã có quyết định thi hành án nhưng đang tại ngoại hoặc được hoãn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án...”.

Như vậy theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 31 Luật cư trú năm 2020 thì trường hợp ông T trốn truy nã được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn ông Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Thanh T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 vào ngày 25/01/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà B về việc ly hôn với ông T:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà B trình bày: Đến năm 2020, ông T đánh nhau gây thương tích cho người khác ở bên ngoài và trốn truy nã của công an, không liên lạc với gia đình từ đó đến nay. Hiện nay hoàn cảnh của tôi vô cùng khó khăn, vất vả, phải một mình nuôi con nhỏ. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không làm rõ được mâu thuẫn. Do đó, bà B yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua ý kiến trình bày của bà B, sự vắng mặt của ông T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Do đó, bà B yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung:

Căn cứ Trích lục khai sinh số 116/TLKS-BS do UBND phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức cấp ngày 20/02/2017, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Thanh T có 01 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2016.

Đối với yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng: Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. bà B có yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B khai con chung hiện đang do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên yêu cầu giao con chung Phạm Quỳnh A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà về việc tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: bà B xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: bà B xác định không có.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2016 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B về tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007082 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn